

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THẮT, TP HÀ NỘI
Bản án số: 99/2023/HSST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 22/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẮT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Nguyễn Văn Miến

2- Ông Nguyễn Văn Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất tham gia phiên tòa:

Ông Triệu Văn Tiến- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 96/2023/HSST ngày 04 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2023, đối với bị cáo:

Vương Văn T, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2004, nơi ĐKTT và nơi cư trú: thôn H, xã L, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; giới tính: Nam, dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Vương Văn Ch và bà Nguyễn Thị Th; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 23/5/2023, tạm giam từ ngày 01/6/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1- Công an Thành phố Hà Nội; Danh chỉ bản số 240 do Công an huyện Thạch Thất lập ngày 01/6/2023. Số giam 2972C2/B8. Có mặt.

Bị hại: Anh **Nguyễn Duy Đ**- sinh năm 2004.

Địa chỉ: thôn C, xã C, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh **Khuất Đình T1**- sinh năm 1986.

Địa chỉ: thôn Y, xã C, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Người làm chứng:

+ Ông **Vương Văn Ch**- sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện Thạch Thất, Hà Nội. Có mặt.

+ Anh **Nguyễn Minh S**- sinh năm 2002.

Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện Thạch Thất, Hà Nội. Có mặt.

+ Cháu **Cần Xuân A**- sinh năm 2007.

Địa chỉ: thôn Ph, xã L, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Cần Xuân A là: Anh **Cần Xuân M**- sinh năm 1981, địa chỉ: thôn Ph, xã L, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. (Bố cháu A).
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Vương Văn T và anh Nguyễn Duy Đ- sinh năm 2004, trú tại: thôn C, xã C, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội là hai anh em con cô con cậu ruột. Khoảng 18h ngày 19/4/2023, bị cáo T đến chơi bi-a cùng anh Đ tại quán Huy Nguyệt thuộc thôn H, xã L, huyện Thạch Thất. Do không đủ tiền để trả tiền thuê bàn chơi bi-a nên bị cáo T hỏi mượn xe máy BKS: 29U1- 532.28 của anh Đ để về nhà xin tiền bố mang đến trả, anh Đ đồng ý. Bị cáo T đi xe máy BKS: 29U1- 532.28 của anh Đ về quán bia của gia đình tại thôn H gặp bố là ông Vương Văn Ch để xin tiền nhưng ông Ch không cho. Lúc này, T nảy sinh ý định mang xe máy BKS: 29U1- 532.28 của anh Đ đi cầm cố lấy tiền. Khoảng 19h cùng ngày, T đi về quán bia gặp Nguyễn Minh S-sinh năm 2002, trú tại: thôn H, xã L cũng là anh em con cô con cậu với của T (S đang làm việc tại quán bia của bố T) để hỏi S có biết chỗ nào cầm cố xe không, thì S đưa T đến nhà Khuất Đình T1- sinh năm 1986, trú tại: thôn Y, xã C, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Sau khi thỏa thuận, bị cáo T cầm cố xe máy BKS: 29U1- 532.28 cho T1 với giá 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). Toàn bộ số tiền trên, T sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Ngày 22/5/2023, anh Nguyễn Duy Đ đến Công an xã L trình báo sự việc.

Ngày 23/5/2023, Vương Văn T đến Công an xã L đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

*** Vật chứng thu giữ gồm:**

01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh- đen, BKS: 29U1-532.28, số khung: RLHJK0340NY005396, số máy: JK03E0705271 đã qua sử dụng.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 37 ngày 26/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thạch Thất kết luận: 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh- đen, BKS: 29U1- 532.28, số khung: RLHJK0340NY005396, số máy: JK03E0705271 đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 31.150.000đ (Ba mươi một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Đối với Khuất Đình T1 là người nhận cầm cố xe máy BKS: 29U1- 532.28 do bị cáo T mang đến. Khi cầm cố T nói là xe của T nên ý thức chủ quan của T1 không biết rõ nguồn gốc xe máy trên là do bị cáo T phạm tội mà có. Khi được Cơ quan Công an thông

báo, T1 đã tự nguyện giao nộp xe máy để phục vụ điều tra. Khi cầm cố tài sản và giao tiền hai bên không viết giấy tờ gì. Tại Cơ quan Công an, T1 khai nhận là cho T vay tiền chứ không nhận cầm cố tài sản. Việc T để lại xe máy BKS: 29U1- 532.28 là để làm tin. Do vậy, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý T1 về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

- Đối với Nguyễn Minh S là người giới thiệu và cùng bị cáo T đi cầm cố xe máy BKS: 29U1- 532.28. Trước khi đi cầm cố, bị cáo T không nói cho S biết rõ nguồn gốc, chủ sở hữu của xe máy BKS: 29U1- 532.28. Ý thức chủ quan của S không biết xe máy trên là do bị cáo T phạm tội mà có. Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý S đồng phạm với T về hành vi "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Về dân sự: Anh Nguyễn Duy Đ đã nhận lại xe máy BKS: 29U1- 532.28 và không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự.

Anh Khuất Đình T1 đề nghị bị cáo Vương Văn T trả lại số tiền 25.000.000 đồng cầm cố xe.

Tại phiên tòa, bị cáo Vương Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bản cáo trạng số 87/CT-VKSTT ngày 02/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất truy tố bị cáo Vương Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 175; các điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vương Văn T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại xe máy BKS: 29U1- 532.28 cho anh Đ là đúng pháp luật nên không phải xem xét.

Về dân sự: Buộc bị cáo T phải trả lại anh Khuất Đình T1 số tiền 25.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thạch Thất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Vương Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập trong hồ sơ, vật chứng của vụ án, lời khai bị hại, người liên quan. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Vương Văn T và anh Nguyễn Duy Đ là anh em con cô con cậu ruột với nhau. Ngày 19/4/2023, tại quán bi-a Huy Nguyệt thuộc thôn H, xã L, huyện Thạch Thất, sau khi Vương Văn T mượn được xe máy BKS: 29U1- 532.28 của Nguyễn Duy Đ với mục đích về nhà xin tiền bố là ông Vương Văn Ch để trả tiền chơi bi-a, nhưng do không xin được tiền nên Vương Văn T đã nảy sinh ý định rồi mang xe máy của anh Đ đi cầm cố cho Khuất Đình T1 ở xã C, huyện Thạch Thất lấy số tiền 25.000.000 đồng mà không được sự đồng ý của anh Đ. Bị cáo T đã sử dụng toàn bộ số tiền cầm cố xe vào việc tiêu xài cá nhân.

Căn cứ bản Kết luận định giá tài sản số 37 ngày 26/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thạch Thất thì chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh - đen, BKS: 29U1- 532.28 trên có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 31.150.000 đồng.

Hành vi trên của bị cáo Vương Văn T đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất truy tố bị cáo Vương Văn T về tội danh và điều luật viện dẫn là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Về hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo T đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây mất trật tự an ninh trên địa bàn huyện, nên phải có hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục bị cáo thành người tốt và phòng, chống tội phạm nói chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo Điểm i và hai tình tiết giảm nhẹ theo Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét bị cáo tuổi đời còn trẻ, có nơi cư trú rõ ràng ổn định, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, lần đầu phạm tội, tính đến ngày xét xử bị cáo đã bị tạm giam 03 tháng cũng đủ thời gian để giáo dục bị cáo nên không cần thiết phải tiếp tục cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo, được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật và giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giám sát cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo thành người tốt.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, kinh tế khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4]- Đối với Khuất Đình T1 là người nhận cầm cố xe máy BKS: 29U1- 532.28 của bị cáo T. Khi cầm cố T nói là xe của T nên ý thức chủ quan của T1 không biết rõ nguồn gốc xe máy trên là do bị cáo T phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với Khuất Đình T1 là đúng pháp luật.

- Đối với Nguyễn Minh S là người giới thiệu và cùng bị cáo T đi cầm cố xe máy BKS: 29U1- 532.28. Sang không biết rõ nguồn gốc xe máy trên là do bị cáo T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với S là đúng pháp luật.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Anh Nguyễn Duy Đ đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự nữa, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Khuất Đình T1 yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền cầm cố xe máy 25.000.000 đồng. Do hành vi của Khuất Đình T1 cho bị cáo T vay tiền cầm cố tài sản không bị xử lý trách nhiệm hình sự nên buộc bị cáo T phải trả lại anh T1 số tiền 25.000.000 đồng.

[6]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại xe máy BKS: 29U1- 532.28 cho anh Đ là đúng pháp luật nên không phải xem xét.

[7]. Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Vương Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 175; các điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo **Vương Văn T 12**(Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Vương Văn T cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội quản lý giám sát trong thời gian thi hành án.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo qui định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Vương Văn T nếu bị cáo Vương Văn T không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Về dân sự: Căn cứ Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo Vương Văn T phải trả lại anh Khuất Đình T1 số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điểm a Khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Vương Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự. Tổng cộng 1.450.000đ (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí.

Quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Công an huyện Thạch Thất
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THA dân sự huyện Thạch Thất;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Ngọc Sơn

